

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Huỳnh Văn Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Số 940, đường Đ, tổ 2, khóm 9, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2019, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Huỳnh Văn H trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2008 anh Huỳnh Văn H và chị Lê Thị Mỹ L xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi vã do bất đồng quan điểm mặc dù anh H có tìm cách hàn gắn nhưng không kết quả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống riêng khoảng tháng 12 năm 2016 đến nay, sau khi sống riêng không bên nào tạo điều kiện hàn gắn lại. Nay anh H thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Mỹ L.

- Về con chung: Giữa anh H và chị L không có con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh H không có yêu cầu tranh chấp gì khác.

Phía bị đơn Lê Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết chị L có lời khai như sau:

Về hôn nhân giữa chị và anh Huỳnh Văn H chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nên chị và anh H đã ly thân cuối năm 2016 đến nay. Sau khi sống riêng đến nay, không bên nào tìm cách hàn gắn lại, không có liên lạc với nhau. Mặc dù, sống riêng từ năm 2016 đến nay nhưng chị L không đồng ý ly hôn; Giữa chị và anh H không có con chung; tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Chị L không còn tranh chấp khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Huỳnh Văn H ly hôn với chị Lê Thị Mỹ L; giữa anh H và chị L không có con chung nên không xét; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc anh Huỳnh Văn H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Lê Thị Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Huỳnh Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị Mỹ L, địa chỉ tại ấp T, xã L, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy anh Huỳnh Văn H và chị Lê Thị Mỹ L chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh H và chị L là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa anh H và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh H và chị L sống riêng từ tháng 12 năm 2016 đến nay; anh H xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn, chị L không đồng ý ly hôn nhưng chị L không có biện pháp gì để tạo điều kiện hàn gắn và Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng chị L không tham dự nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn H.

[4] Về con chung: Giữa anh H và chị L không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả: Anh H và chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn H phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn H.

- **Về hôn nhân:** Cho anh Huỳnh Văn H được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ L.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Huỳnh Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005490 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh H đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa